

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị chiến lược - 1104018

Mã lớp học phần: 110401803

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ

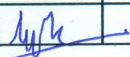
Ngày thi: 10/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: V. Phương Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: P. Thiên Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090307	Huỳnh Kim Nhu	19/11/1994	<u>[Signature]</u>		6.8	Sáu tám	C14QT3	
2	1210090308	Lê Hoàng Nhung	13/01/1994	<u>[Signature]</u>		8.2	Tám hai	C14QT3	
3	1210090310	Ngô Thị Tuyết Nhung	15/07/1994	<u>[Signature]</u>		6.8	Sáu tám	C14QT3	
4	1210090311	Nguyễn Thị Nhung	03/02/1993	<u>[Signature]</u>		7.4	Bảy bốn	C14QT3	
5	1210090313	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	29/05/1994	<u>[Signature]</u>		8.2	Tám hai	C14QT3	
6	1210090302	Đỗ Thị Quỳnh Nhu	07/03/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT3	
7	1210090300	Huỳnh Nhu	13/02/1992					C14QT3	✓
8	1210090301	Nguyễn Thụy Quỳnh Nhu	26/06/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT3	
9	1210090303	Trần Thị Ánh Nhu	02/10/1994	<u>[Signature]</u>		7.6	Bảy sáu	C14QT3	
10	1210090304	Triệu Thị Huỳnh Nhu	14/10/1993	<u>[Signature]</u>		7.6	Bảy sáu	C14QT3	
11	1210090306	Lê Thị Nhút	20/05/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT3	
12	1210090325	Bùi Thị Mỹ Nương	25/10/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT3	
13	1210090329	Nguyễn Thị Oanh	25/10/1994	<u>[Signature]</u>		5.4	Năm tư	C14QT3	
14	1210090330	Phan Thị Trúc Oanh	02/12/1994	<u>[Signature]</u>		6.8	Sáu tám	C14QT3	
15	1210090331	Vương Ngọc Oanh	04/12/1994	<u>[Signature]</u>		6.4	Sáu tư	C14QT3	
16	1210090332	Cao Minh Phát	27/02/1994	<u>[Signature]</u>		7.6	Bảy sáu	C14QT3	
17	1210090337	Võ Hữu Phát	23/05/1994	<u>[Signature]</u>		7.4	Bảy bốn	C14QT3	
18	1210090338	Lê Thị Quí Phi	15/06/1994	<u>[Signature]</u>		7.8	Bảy tám	C14QT3	
19	1210090340	Nguyễn Ngọc Mạnh Phi	30/04/1994	<u>[Signature]</u>		5.6	Năm sáu	C14QT3	
20	1210090341	Nguyễn Văn Phi	20/10/1994	<u>[Signature]</u>		6.8	Sáu tám	C14QT3	
21	1210090356	Nguyễn Trung Phúc	01/01/1994	<u>[Signature]</u>		7.2	Bảy hai	C14QT3	
22	1210090343	Huỳnh Ái Phương	31/12/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14QT3	
23	1210090344	Lê Thanh Phương	16/12/1994	<u>[Signature]</u>		4.2	Bốn hai	C14QT3	
24	1210090345	Mạch Diễm Phương	24/04/1994	<u>[Signature]</u>		6.8	Sáu tám	C14QT3	
25	1210090346	Nguyễn Công Phương	02/11/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT3	
26	1210090347	Nguyễn Thanh Phương	11/12/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14QT3	
27	1210090348	Nguyễn Vũ Đức Phương	28/04/1994	<u>[Signature]</u>		6.6	Sáu sáu	C14QT3	
28	1210090349	Phạm Hoàng Phương	10/01/1994	<u>[Signature]</u>		6.8	Sáu tám	C14QT3	
29	1210090350	Phạm Thị Quế Phương	09/11/1994	<u>[Signature]</u>		7.6	Bảy sáu	C14QT3	
30	1210090351	Phạm Thị Thu Phương	22/11/1994	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C14QT3	
31	1210090353	Đoàn Văn Phước	16/07/1994	<u>[Signature]</u>		5.4	Năm bốn	C14QT3	
32	1210090342	Nguyễn Thị Tuyết Phượng	27/04/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090357	Trương Thị Thùy Trang	27/06/1994		→	8.2	học hai	C14QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị chiến lược - 1104018

Mã lớp học phần: 110401803

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ

Ngày thi: 10/12/2014

Giờ thi: 07h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Quang Minh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: Minh Trí Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090253	Đặng Diệp linh	Đan	29/10/1994	<u>[Signature]</u>		8.4	tám bốn	C14QT3	
2	1210090249	Nguyễn Bá	Đại	24/03/1994	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C14QT3	
3	1210090250	Nguyễn Thành	Đạt	12/07/1994	<u>[Signature]</u>		8	tám	C14QT3	
4	1210090315	Nguyễn Ngọc	Diễn	05/09/1993	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C14QT3	
5	1210090317	Phan Thị Đình	Diễn	13/10/1994	<u>[Signature]</u>		9.8	chín tám	C14QT3	
6	1210090318	Võ	Diễn	20/09/1994	<u>[Signature]</u>		7.8	bảy tám	C14QT3	
7	1210090319	Từ Thị	Diệp	20/08/1993	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C14QT3	
8	1210090320	Nguyễn Nhã	Đình	10/09/1994	<u>[Signature]</u>		6.8	sáu tám	C14QT3	
9	1210090323	Lê Tấn Bảo	Định	26/11/1994	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy bốn	C14QT3	
10	1210090322	Trần Đặng Phương	Đông	25/08/1992	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C14QT3	
11	1210090321	Trần Minh	Đông	20/10/1994	<u>[Signature]</u>		5	năm	C14QT3	
12	1210090324	Trần Thành	Được	31/05/1993	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C14QT3	
13	1210090328	Đỗ Tài	Đức	06/02/1994	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C14QT3	
14	1210090241	Trần Tuyết	Hạnh	14/06/1994	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C14QT3	
15	1210090242	Ngô Thị Hoài	Liên	05/07/1994	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C14QT3	
16	1210090244	Thạch Ngọc	Minh	16/04/1993	<u>[Signature]</u>		7.8	bảy tám	C14QT3	
17	1210090246	Nguyễn Mỹ Thúy	Mơ	22/05/1994	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C14QT3	
18	1210090252	Phạm Hoài	Nam	16/04/1994	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C14QT3	
19	1210090256	Bùi Thị Tuyết	Ngân	26/03/1993	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C14QT3	
20	1210090257	Lê Thị Bích	Ngân	07/01/1994						Nợ HP ✓
21	1210090260	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	18/04/1994	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy bốn	C14QT3	
22	1210090261	Nguyễn Tuyết	Ngân	17/01/1993	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C14QT3	
23	1210090262	Phan Diệu Giang	Ngân	26/10/1994	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C14QT3	
24	1210090263	Trần Hoàng Tổ	Ngân	20/04/1994					C14QT3	✓
25	1210090264	Trần Thị	Ngân	29/06/1993	<u>[Signature]</u>		5.8	năm tám	C14QT3	
26	1210090265	Trần Thị Thúy	Ngân	10/11/1994	<u>[Signature]</u>		6.4	sáu bốn	C14QT3	
27	1210090267	Dương Văn	Nghĩa	20/04/1994	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C14QT3	
28	1210090268	Hoàng Thị Thùy	Ngọc	17/08/1993	<u>[Signature]</u>		6.4	sáu bốn	C14QT3	
29	1210090269	Lê Thị	Ngọc	06/11/1993	<u>[Signature]</u>		6	sáu	C14QT3	
30	1210090270	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	03/10/1994	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C14QT3	
31	1210090271	Nguyễn Như	Ngọc	28/06/1993	<u>[Signature]</u>		5	năm	C14QT3	
32	1210090273	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	12/08/1994	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C14QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090274	Nguyễn Thị Kim Ngọc	12/07/1994			6.8	Suốt tuần	C14QT3	
34	1210090276	Nguyễn Tú Hoàng Ngọc	01/03/1994			7.4	buổi đầu	C14QT3	
35	1210090283	Đỗ Thị Thảo Nguyên	15/07/1994			6.8	Buổi	C14QT3	
36	1210090279	Huỳnh Thị Phương Nguyên	03/04/1994			6.8	Suốt tuần	C14QT3	
37	1210090282	Nguyễn Thị Nguyên	21/06/1994			7.4	buổi đầu	C14QT3	
38	1210090284	Võ Ngọc Xuân Nguyên	21/09/1994			5	đầu	C14QT3	
39	1210090289	Phan Thị Thanh Nhân	15/08/1994			7.6	buổi đầu	C14QT3	
40	1210090288	Đoàn Thị Thanh Nhã	02/06/1994			5.4	đầu buổi	C14QT3	
41	1210090287	Nguyễn Thị Thanh Nhã	14/04/1994			8.6	tuần đầu	C14QT3	
42	1210090285	Ngô Thành Nhân	22/09/1994			6.4	Suốt buổi	C14QT3	
43	1210090286	Phạm Đỗ Trung Nhân	31/12/1994			6.6	Suốt buổi	C14QT3	
44	1210090290	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	14/03/1994			7.8	buổi đầu	C14QT3	
45	1210090291	Lê Trần Ý Nhi	15/10/1994			7.8	buổi đầu	C14QT3	
46	1210090292	Mai Thị Oanh Nhi	20/05/1994			8.6	tuần đầu	C14QT3	
47	1210090293	Nguyễn Thị Vân Nhi	10/09/1994			8.6	tuần đầu	C14QT3	
48	1210090296	Trương Thị Uyên Nhi	29/01/1994			7.2	buổi đầu	C14QT3	
49	1210090298	Vương Kiều Nhi	12/03/1994			7.8	buổi đầu	C14QT3	
50	1210090299	Nguyễn Thị Nhiên	06/06/1994			6.8	Suốt tuần	C14QT3	